

ÁP LỰC BÁN VẪN CÒN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA

Sự chứng lại của dòng tiền và thanh khoản thể hiện nhà đầu tư chưa hoàn toàn bỏ được tâm lý thận trọng, do đó, hạn chế giải ngân mua mới và kiên nhẫn chờ đợi những tín hiệu xác nhận rõ ràng từ thị trường.

BÁN

Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

HCM

↑ 10,91%

VND30.500

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (16/9), với chỉ số Dow Jones chốt phiên ở mức cao chưa từng thấy trong lịch sử.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Với mức giảm hôm 16/09, VN-Index đã để mất mốc hỗ trợ quan trọng quanh 1.250 điểm. Trong khi đó, thanh khoản có cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, bất chấp khối ngoại mua ròng trở lại phiên hôm nay. Điều đáng chú ý là hôm nay có hiện tượng bên bán chấp nhận hạ giá bán. Về mặt kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã để mất ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm, do vậy, chỉ số có thể kiểm nghiệm vùng hỗ trợ EMA200 ngày (1.230 điểm) trước khi hồi phục trở lại.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	41.622,08	0,55	9,83
S&P 500	5.633,09	0,13	17,95
Nasdaq	17.592,13	-0,52	17,80
VIX	17,14	-2,99	33,01
DAX	18.633,11	0,98	11,63
FTSE 100	8.273,09	0,39	6,98
CAC40	7.465,25	0,41	-1,03
Hang Seng	17.203,34	-0,95	0,91

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	38,93	SELL
MACD (12,26)	-0,39	SELL
ADX (14)	17,71	SELL
SMA5	1.251,16	SELL
SMA20	1.269,37	SELL
SMA50	1.256,70	SELL
SMA100	1.259,30	SELL
SMA200	1.225,31	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Triển vọng lãi suất hạ và mối lo về sản lượng dầu của Mỹ sau bão Francine đưa giá dầu thô tăng mạnh.
- Sản lượng thép của Trung Quốc trong tháng 8 đã giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái khi ngành công nghiệp này phải chịu ảnh hưởng từ giá thấp và nhu cầu sụt giảm nghiêm trọng. Đây là tháng 8 yếu nhất kể từ năm 2017 và làm sâu sắc thêm mức giảm chung của năm nay. Tổng sản lượng thép thô trong 8 tháng đầu năm giảm 3,3% xuống còn 691,4 triệu tấn.
- Trong phiên 16/9, NHNN tiếp tục có động thái hạ lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) từ 4,25%/năm xuống 4%/năm. Số liệu cho thấy NHNN đã cho một thành viên vay hơn 536 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn 7 ngày. So với phiên cuối tuần trước (13/9), lãi suất đã giảm 0,25 điểm % nhưng kỳ hạn từ 14 ngày xuống còn 7 ngày. Đồng thời, nhà điều hành tiếp tục không có động thái chào bán tín phiếu. NHNN đã ngừng phát hành tín phiếu từ phiên 26/8. Theo dữ liệu từ WiChart, đây là lần thứ hai NHNN giảm lãi suất OMO kể từ cuối năm 2024 (lần đầu vào ngày 5/8). Trong năm 2024, nhà điều hành đã có hai lần nâng lãi suất OMO, vào tháng 4 và tháng 5, lần lượt từ 4%/năm lên 4,25%/năm rồi đến 4,5%/năm khi tỷ giá căng thẳng.
- Thông tin từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), trong tháng 8, sản lượng khai thác dầu thô toàn tập đoàn đạt 833.000 tấn, lũy kế 8 tháng đạt 6,64 triệu tấn. Sản lượng khai thác khí tháng 8 và 8 tháng đầu năm lần lượt là 450 triệu m3 và 4,41 tỷ m3. Sản xuất điện toàn tháng 8 đạt 2,01 tỷ kWh, lũy kế 8 tháng đạt 19,23 tỷ kWh.
- ITA:** Ngày 16/9, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sẽ thực hiện chuyển cổ phiếu ITA từ diện hạn chế giao dịch sang diện đình chỉ giao dịch (thời gian chính thức chưa công bố). Cơ sở đưa cổ phiếu ITA vào diện đình chỉ do tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch, thuộc trường hợp chứng khoán bị đình chỉ giao dịch.
- PVT:** Tại Singapore, Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) - đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans) đã tổ chức tiếp nhận thành công tàu LPG Hải Phòng Gas, đánh dấu bước tiến quan trọng trong kế hoạch đầu tư phương tiện, tăng năng lực vận tải của Gas Shipping nói riêng và PVTrans nói chung trong năm 2024.
- HAG:** Ngày 16/09, HĐQT CTCP Hoàng Anh Gia Lai thông qua việc sửa đổi các điều kiện trái phiếu 2016 và thông qua việc xin ý kiến người sở hữu trái phiếu 2016.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.580,99	0,13	25,11
Dầu WTI	68,89	0,35	-3,85
Dầu Brent	71,76	0,21	-6,85
Than	137,90	-0,18	-5,81
Đồng	9.308,00	1,00	8,75
Quặng sắt	93,32	-1,85	-32,34
Thép	452,00	-0,66	-19,95

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	100,961	-0,15	-0,37
USD/JPY	140,53	0,23	0,36
USD/CNY	7,0972	0,28	0,04
EUR/USD	1,1088	0,12	0,44
GBP/USD	1,3141	0,13	3,22

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	18/09/2024	0
ECB	4,25%	12/09/2024	-0,25
BOE	5,00%	19/09/2024	-0,25
BOJ	0,25%	20/09/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VHM	232,56	43.000	-0,23
FPT	423,78	133.000	0,53
HPG	311,67	25.000	-0,40
MWG	477,81	67.200	-0,44
DIG	144,51	22.000	1,38

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	502.459,30	89.900	0,45
BID	274.761,01	48.200	-0,31
GAS	174.060,73	74.300	-2,34
FPT	194.239,59	133.000	0,53
CTG	187.412,71	34.900	-0,29

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

HCM

Khuyến nghị
MUA
Giá hiện tại
28.200
Giá mục tiêu
30.500
Tiềm năng tăng giá
10,91%
Vùng giải ngân
27.500-28.300
Ngưỡng cắt lỗ
<26.800

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tính lũy kế 6 tháng đầu năm, HCM ghi nhận LNTT đạt 736 tỷ đồng, tăng 110% so với cùng kỳ năm 2023, thực hiện 51% kế hoạch năm 2024. Lãi sau thuế đạt 590 tỷ đồng, cùng mức tăng 110%.
- Đến ngày 30/06/2024, tổng tài sản của HCM đạt 27.756 tỷ đồng. Bên cạnh dư nợ cho vay tăng mạnh, quy mô tài sản tài chính FVTPL của Công ty cũng gấp tới 2,6 lần đầu năm, đạt 5,9 nghìn tỷ đồng. Đối với danh mục cổ phiếu, Công ty quay trở lại tập trung vào các cổ phiếu VN30 thay vì các cổ phiếu bất động sản như thời điểm cuối quý 1.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Mặc dù chịu áp lực điều chỉnh chung của thị trường nhưng HCM vẫn giữ được các đường MA50, MA100 và MA200 ngày. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến của cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp. Vùng giải ngân dự kiến quanh 26.800-27.500 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	3.901	2.903	1.094
LNTT (tỷ đ)	1.068	842	390
LNST (tỷ đ)	852	674	313
Nợ/VCSH (%)	88	110	153
ROE (%)	11,20	8,32	10,59
ROA (%)	4,28	4,04	4,68
EPS (VNĐ)	1.295,55	1.024,63	1436,10
P/E (lần)	10,72	23,19	19,50
P/B (lần)	1,16	1,88	1,85

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	NEUTRAL	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	51,29	BUY	
MACD (12,26)	0,64	BUY	
ADX (14)	33,52	BUY	
SMA5	28.820	SELL	
SMA20	28.680	SELL	
SMA50	26.840	BUY	
SMA100	26.980	BUY	
SMA200	25.800	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MBB	Nắm giữ	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8			2,58%
2	GVR	Mua	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5			1,16%
3	DBC	Nắm giữ	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27			3,36%
4	NLG	Nắm giữ	39-40,3	4/9/2024	40,3	45,3	38,8			1,74%
5	DCM	Nắm giữ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2			1,35%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
2	MWG	Chốt lời	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2	3/5/2024	55,7	17,26%
3	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
4	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
5	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
6	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%
7	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
8	VSC	Cắt lỗ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7	17/7/2024	20,7	-4,61%
9	PHR	Cắt lỗ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58	17/7/2024	58	-4,92%
10	MSN	Cắt lỗ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5	17/7/2024	72,5	-4,86%
11	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
12	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
13	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
14	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
15	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị: 30/1/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Max	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-(-12%-18%)
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-(-18%-37%)
MICP	MSN	Tỷ lệ
Max	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2:(50%)	Nằm chờ	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Max	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-(-12%-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lấy liền)	+479500,200 đ (4.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 8% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room